

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay nhờ diễn biến hồi phục ở nhóm cổ phiếu ngân hàng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giao dịch nổi trội hơn so với thị trường cơ sở khi vị thế LONG gia tăng mạnh vào cuối phiên

## [Cổ phiếu tác động đến thị trường]

SSI, TPB

## [Cập nhật công ty]

DGW, GAS, ANV, BSR

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể mở một phần trạng thái trading cho các vị thế sẵn có trong danh mục khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ gần.

21/07/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	861.69	861.40
VN30	804.70	803.36
HĐTL VN30F1M	805.00	796.50
HNXIndex	116.09	115.72
HNX30	219.11	219.11
UPCoM	57.36	57.29
USD/VND	23,177	23,180
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.86	2.86
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	0.10
Dầu (WTI, \$)	41.13	40.81
Vàng (LME, \$)	1,823.01	1,817.77



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 861.69 (+0.03%)  
**KLGD (triệu CP)** 216.4 (-14.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 197.6 (-4.0%)

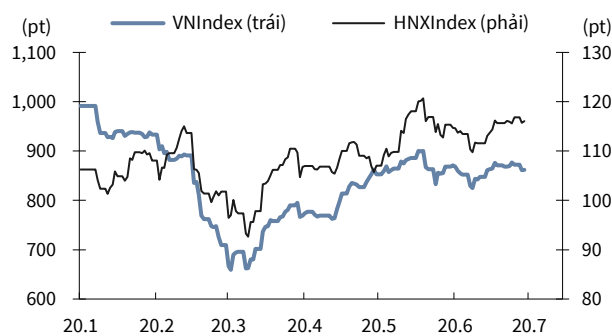
**HNXIndex** 116.09 (+0.32%)  
**KLGD (triệu CP)** 32.1 (-8.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 14.5 (-7.4%)

**UPCoM** 57.36 (+0.12%)  
**KLGD (triệu CP)** 16.2 (+13.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 7.9 (+2.9%)

**NETTN mua ròng (triệu US\$)** -13.7

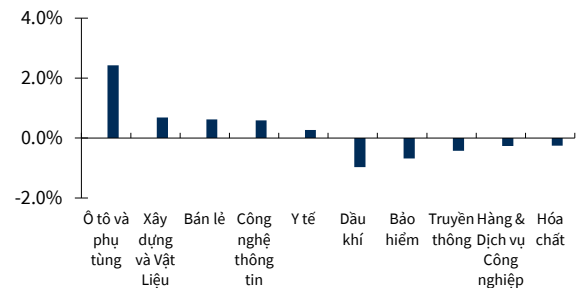
TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay nhờ diễn biến hồi phục ở nhóm cổ phiếu ngân hàng. Thông tin NHNN đang lấy ý kiến về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2019, nhằm nới lộ trình giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, giúp các cổ phiếu ngân hàng tăng điểm ở VCB (+0.4%), MBB (+0.6%). Nhóm cổ phiếu hạ tầng như C4G (+3.8%), HBC (+1.4%) tiếp tục tăng điểm sau thông tin công tác giải phóng mặt bằng 11 đoạn cao tốc Bắc - Nam sẽ hoàn thành vào tháng 9 tới đây. Cổ phiếu chứng khoán vốn hóa lớn như SSI (-1.3%), VCI (-0.6%) đồng loạt điều chỉnh sau khi báo cáo tài chính quý 2 cho thấy dư nợ cho vay margin ở các công ty này giảm mạnh, trái ngược với xu hướng tăng ở các CTCK ngoại. Cổ phiếu hàng không VJC (+0.8%) tăng điểm nhẹ sau thông tin Bộ Giao thông Vận tải giao Cục Hàng không Việt Nam thống nhất với nhà chức trách Trung Quốc về tần suất, điều kiện vận chuyển hành khách giữa 2 nước. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng, tập trung ở VHM (-0.5%), HPG (+0.4%), DXG (-5.1%).

## VNIndex & HNXIndex



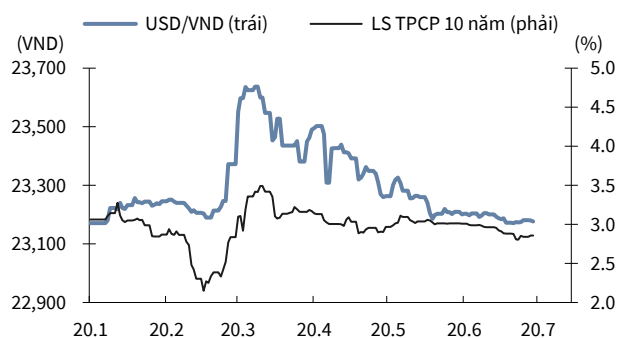
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



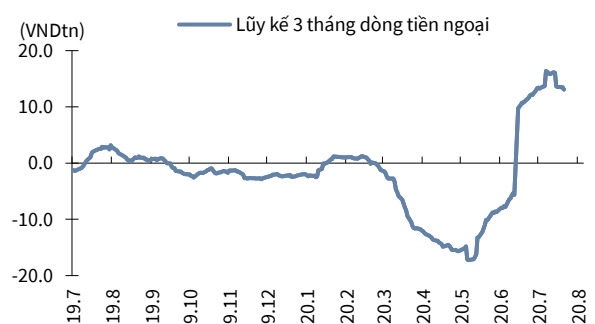
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



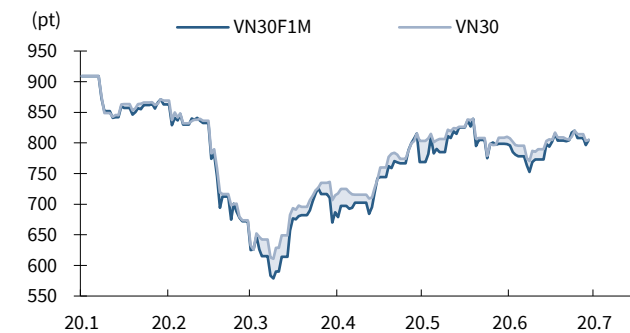
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>804.70 (+0.17%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>805.0 (+1.07%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>799.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>805.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>793.5</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>156,175 (+13.6%)</b>

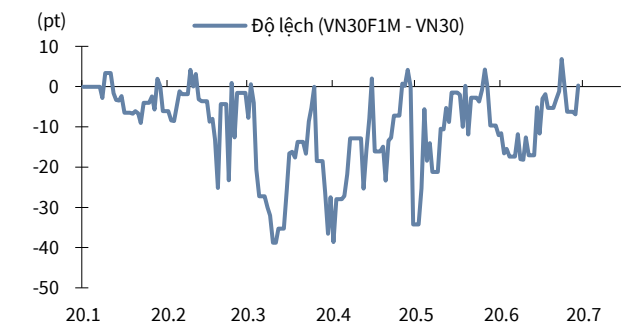
Các HĐTL giao dịch nổi trội hơn so với thị trường cơ sở khi vị thế LONG gia tăng mạnh vào cuối phiên nhờ những diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu bao gồm thông tin kinh doanh sáng sủa của doanh nghiệp ngành công nghệ cùng với triển khả quan của gói kích thích kinh tế mới của châu Âu. Chênh lệch giữa F2008 và VN30 mở cửa ở -6.86 và giao động quanh -6 và -3 trong phiên sáng. Đến đầu phiên chiều, chênh lệch thu hẹp mạnh khi NĐT cover vị thế SHORT và chuyển sang vị thế LONG trước sự bật tăng mạnh mẽ của chỉ số DOW future. Chênh lệch đóng cửa ở mức dương nhẹ 0.3. NĐTNN giao dịch mua/bán cân bằng trong ngày hôm nay. Thanh khoản được cải thiện nhưng vẫn ở mức thấp.

## HĐTL VN30F1M & VN30



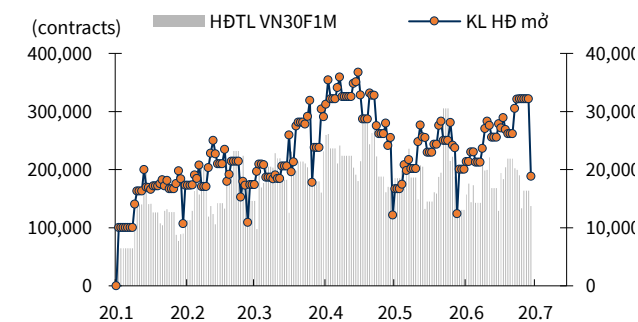
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



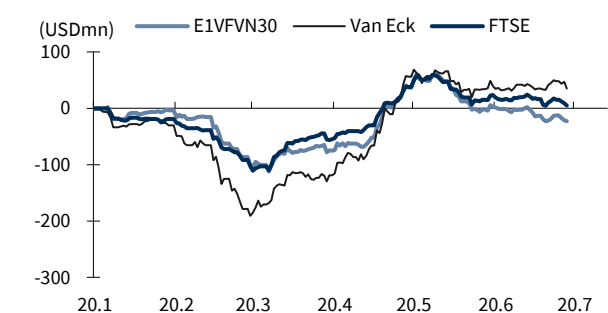
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

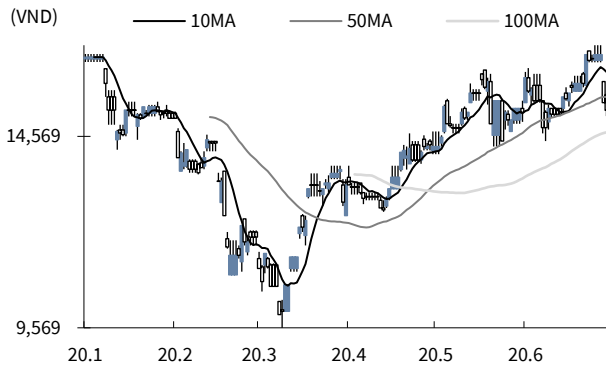
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

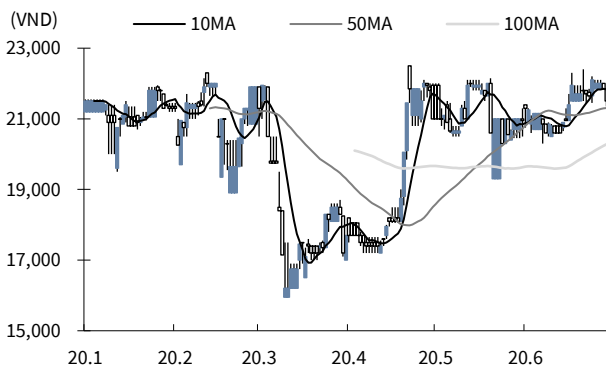
## Chứng khoán SSI (SSI)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SSI giảm -1.3% xuống 15,250 VNĐ/cp.
- SSI mới đây công bố báo cáo tài chính riêng quý 2 với lợi nhuận sau thuế 523 tỷ (+163% YoY) và doanh thu 1,379 tỷ (+85.5% YoY). Đóng góp chính vào tăng trưởng của SSI đến từ tăng trưởng ở khoản mục lãi từ tài sản tài chính ghi nhận qua lãi/lỗ (FVTPL) đạt 728 tỷ (+452% YoY), và tăng trưởng ở doanh thu môi giới chứng khoán đạt 191 tỷ (+46% YoY).

## TPBank (TPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TPB giảm -1.6% xuống 21,500 VNĐ/cp.
- TPB mới đây công bố KQKD Q2 với lợi nhuận sau thuế 819 tỷ (+34% YoY). Trong đó, thu nhập lãi thuần của ngân hàng đạt 1,765 tỷ (+25% YoY); lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối đạt 277 tỷ (+862% YoY); lãi thuần từ hoạt động khác đạt 75 tỷ (+250% YoY).
- Về tình hình chất lượng cho vay, tổng nợ xấu của TPBank tăng 20% so với đầu năm khiến tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1.29% lên mức 1.47%. Trong đó, nợ dưới tiêu chuẩn (nợ nhóm 3) và nợ nghi ngờ (nợ nhóm 4) lần lượt tăng 47% và 22%. Riêng nợ có khả năng mất vốn (nợ nhóm 5) giảm -11%.

# CTCP Thế giới số (DGW)

## Doanh thu quý 2 cao kỷ lục nhờ laptop và điện thoại

### Lợi nhuận quý 2 tăng 35% nhờ doanh thu máy tính xách tay và điện thoại

— Lợi nhuận quý 2 tăng 35% lên 48 tỷ đồng do gia tăng nhu cầu về máy tính xách tay và các thiết bị di động khác khi người dân phải làm việc hoặc học tập ở nhà theo yêu cầu giãn cách xã hội của Chính phủ. Doanh thu Q2/2020 là mức doanh thu quý 2 cao nhất đạt 2,583 tỷ đồng (tăng 29% YoY). Doanh số cho máy tính xách tay và máy tính bảng tăng đáng kể 29% YoY lên 1,080 tỷ đồng nhờ nhu cầu học tập và làm việc trực tuyến trong đại dịch ngày càng tăng, cùng với xu hướng sử dụng các sản phẩm công nghệ cao cấp. Theo đó, doanh thu laptop trong quý 3 sẽ tăng trưởng chậm lại khi nhu cầu đã được đẩy lên trong nửa đầu năm. Doanh thu điện thoại di động tăng trưởng 19% YoY lên 1,146 tỷ đồng và chiếm 44% tổng doanh số. Doanh số điện thoại di động tăng mạnh bất chấp thị trường bão hòa khi Xiaomi thâm nhập thành công vào thị trường địa phương với thị phần đạt 10% trong quý 2/2020 (DGW là nhà phân phối độc quyền của Xiaomi tại Việt Nam). Mặt khác, thiết bị văn phòng đã chứng kiến doanh số giảm 7% YoY xuống còn 288 tỷ đồng do các công ty cắt giảm chi tiêu cho thiết bị văn phòng trong bối cảnh đại dịch. Doanh thu của hàng tiêu dùng cũng giảm 6% YoY xuống còn 59 tỷ đồng do DGW tạm thời hoãn triển khai các hợp đồng mới do tác động của Covid-19 để quản lý tốt hàng tồn kho cho đến khi thấy dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ hơn. Tính chung 6 tháng đầu năm, lợi nhuận tăng trưởng 55% YoY lên 93 tỷ đồng tương đương 46% mục tiêu lợi nhuận cả năm của công ty và tăng 45% YoY doanh thu lên 4,894 tỷ đồng tương đương 48% mục tiêu doanh thu cả năm.

### Dòng tiền lành mạnh giúp công ty vượt qua đại dịch thành công

— Lợi nhuận được cải thiện trong quý, với cả tỷ suất lợi nhuận gộp tăng 70 bps so với một năm trước lên 6.0% và tỷ suất lợi nhuận ròng tăng nhẹ lên 1.9%. Ban lãnh đạo cũng tập trung vào việc cải thiện hiệu quả của vốn lưu động bằng cách giảm hàng tồn kho xuống 40 ngày so với 56 ngày cùng kỳ năm ngoái. Chiến lược đa kênh của DGW sử dụng cả kênh online và offline cũng thể hiện khả năng giúp công ty vượt qua nhiều thách thức do đại dịch gây ra, với việc công ty tiếp tục thực hiện bán hàng trực tuyến trên các kênh thương mại điện tử và đẩy mạnh nhập khẩu hàng FMCG trung và cao cấp.

# PV Gas (GAS)

## Lợi nhuận Q2 giảm 43.9% YoY do giá dầu HSFO thấp

### Lợi nhuận Q2 giảm 43.9% do giá dầu HSFO & sản lượng khí giảm

— Lợi nhuận Q2 giảm 43.9% YoY xuống 1,712 tỷ VND với doanh thu đạt 15,627 tỷ VND, giảm 23.3%, với lí do: 1) giá HSFO, hàng hóa để tính giá khí, trong Q2 giảm 55.4% YoY xuống 179.4 USD/tấn; và 2) sản lượng khí tự nhiên đạt 2.46 tỷ mét khối khí hoặc giảm 8.6% YoY. Lợi nhuận 1H đã giảm 33.8% YoY tới mức 4,047 tỷ VND nhưng vẫn đạt 61.3% kế hoạch doanh nghiệp do ban lãnh đạo thận trọng. Giá bán khí của PV GAS là giá trị lớn nhất giữa 46% giá dầu HSFO hoặc giá miêng giếng và cộng thêm chi phí vận chuyển:

Giá bán khí = MAX (46% giá dầu HSFO, giá miêng giếng) + chi phí vận chuyển.

Lợi nhuận của PV Gas được kì vọng sẽ phục hồi trong những quý tiếp do sự tương quan mạnh giữa giá HSFO với giá dầu Brent sẽ giúp giá HSFO tăng trở lại trong phần còn lại của năm nay. Vấn đề kỹ thuật tại *Lô 11.2* tiếp tục khiến sản lượng khí suy giảm, kèm theo đó là sự chậm tiến độ của các mỏ khí mới do vấn đề COVID-19 và phê duyệt tiến độ.

### Việc xây dựng cảng LNG *Thị Vải* vượt tiến độ ...

— Việc xây dựng cảng LNG *Thị Vải* đang vượt tiến độ thi công và ban lãnh đạo cho rằng công trình có thể hoàn thành trong Q2 2022E tương đương vượt kế hoạch hai đến ba tháng. Việc này cho phép cảng *Thị Vải* hoạt động thương mại trong năm 2022 và tăng sản lượng khí. Giá khí thiên nhiên hóa lỏng LNG đang giao dịch mức 5 USD/MMBtu và khá thấp so với giá miêng giếng của những mỏ khí sắp tới.

### ... nhưng sẽ gặp cạnh tranh từ cảng LNG *Hải Linh* vào năm 2021

— Cảng LNG *Hải Linh* nằm ở khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu và là dự án tái hóa khí đầu tiên tại Việt Nam sẽ bắt đầu chạy thử và hoạt động thương mại trong năm 2021E. Điều này có nghĩa rằng công ty *Hải Linh* sẽ là doanh nghiệp tự nhân đầu tiên cũng cấp khí cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) và phá bỏ thế độc quyền của PV Gas trong việc cung cấp khí cho các nhà máy điện khí. Dù vậy, việc thêm sự cạnh tranh cho PV GAS sẽ không quá nghiêm trọng do nhu cầu cho khí tự nhiên và LNG tại Việt Nam từ các nhà máy điện vẫn cao trong nhiều năm tới, đặc biệt trong quá trình mở rộng các nhà máy điện khí để đáp ứng nhu cầu khí.

# CTCP Nam Việt (ANV)

## Lợi nhuận quý 2 giảm mạnh do xuất khẩu giảm

### Lợi nhuận sau thuế quý 2 giảm 79% YoY do dịch COVID-19

— Lợi nhuận hợp nhất quý 2 giảm 79% YoY xuống còn 32 tỷ đồng với doanh thu thuần đạt 884 tỷ đồng (giảm 17% YoY), chủ yếu do: 1) doanh thu xuất khẩu giảm mạnh do đại dịch; 2) chuyển dịch tạm thời sang thị trường nội địa; và 3) biên lãi gộp giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước do giá bán cá tra giảm. Doanh thu xuất khẩu giảm 52% YoY xuống còn 399 tỷ đồng do trong quý 2 dịch vụ ăn uống bị đóng cửa ở nhiều thị trường trên thế giới. Để ứng phó, ANV đã phải tạm thời chuyển sang thị trường nội địa có giá bán vẫn đang ở mức thấp, với doanh thu trong nước đạt 485 tỷ đồng (+114% YoY). Biên lãi gộp quý 2 giảm xuống còn 10% từ mức 21% cùng kỳ năm trước với lợi nhuận gộp quý 2 đạt 90 tỷ đồng (-60% YoY) do giá bán trung bình ngành cá tra vẫn ở mức thấp từ giữa năm 2019 đến nay.

### Chuyển đổi sang thị trường nội địa như một giải pháp tạm thời

— Với tình hình đại dịch vẫn đang lan rộng trên thế giới, ANV đã tạm thời chuyển đổi sang thị trường nội địa dù giá bán cá tra nội địa vẫn còn thấp. Doanh thu nội địa quý 2 chiếm đến 56% tổng doanh thu (so với mức 25% trung bình 4 năm gần nhất) và lần đầu tiên cao hơn cả doanh thu xuất khẩu. Đáng chú ý, doanh thu bán cá nguyên liệu đạt 82 tỷ đồng trong quý 2 và chiếm tới 17% doanh thu nội địa (vốn chiếm tỷ trọng không đáng kể từ năm 2014 đến quý 1 vừa qua), có thể đến từ vùng nuôi Bình Phú. Hiện tại vùng nuôi Bình Phú đang thả nuôi 156 ao cá thương phẩm (trong số 229 ao đã hoàn thành), và có thể một phần số cá tra trưởng thành tại đây đã được bán vào thị trường nội địa thay vì tiếp tục giữ nuôi dưới ao nhằm giảm bớt chi phí thức ăn khi tình hình thị trường đang không thuận lợi.

### Chậm hơn so với kế hoạch lợi nhuận 200 tỷ đồng cho 2020E

— Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, ANV ghi nhận 1,695 tỷ đồng doanh thu (-14% YoY) và 75 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế (-79% YoY), hoàn thành 38% kế hoạch lợi nhuận năm 2020E và 57% kế hoạch doanh thu. Mặc dù việc chuyển đổi sang thị trường nội địa có thể sẽ giúp công ty hoàn thành kế hoạch doanh thu 3,000 tỷ, thị trường thế giới cần phải hồi phục mạnh mẽ trong nửa cuối năm 2020 thì ANV mới có thể cải thiện biên lãi gộp đủ để hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 200 tỷ đồng đã đặt ra.

# Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)

## Lỗ Q2 nhưng kỳ vọng 2H sẽ phục hồi

### Tiếp tục lỗ Q2 như dự đoán nhưng lợi nhuận 2H kỳ vọng phục hồi thời kỳ hậu đại dịch

— Lỗ Q2 là 1,897 tỷ VND (vs lợi nhuận 106 tỷ VND tại Q2 2019) trên doanh thu 13.736 tỷ VND (giảm 50.7% YoY) vì 1) đại dịch COVID-19 đã khiến nhu cầu sản phẩm lọc dầu thế giới đi xuống; và 2) nhu cầu tiêu thụ nội địa suy giảm từ việc cách ly xã hội. 1H ghi nhận lỗ 4,245 tỷ VND vs lợi nhuận 1H2019 là 704 tỷ VND nhưng lỗ Q2 2020 thấp hơn Q1 2020 do hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho 500 tỷ VND vì giá dầu tăng trở lại. Thêm nữa, ban lãnh đạo chia sẻ rằng BSR đã tạo ra lợi nhuận trong tháng 6 và cố gắng phục trở lại trong 2H2020.

### Giá xăng phục hồi cùng với sự mở cửa kinh tế

— Lợi nhuận sẽ được cải thiện trong những quý tới cùng sự phục hồi của biên lọc hóa dầu của BSR. Giá bán lẻ cho dầu DO, xăng RON 95 và RON 92 đã phục hồi khoảng 30% từ tháng 4 năm nay cùng lúc với sự mở cửa nền kinh tế. Sự tăng mạnh trong nhu cầu và giá dầu lên cao cho phép giá xuất xưởng của sản phẩm xăng dầu dần phục hồi trong 2H và 2021E.

### Không có thông tin mới về việc chuyển sang sàn HNX nhưng có thể mất đến 5-6 tháng

— Ban lãnh đạo không tiết lộ thêm thông tin mới liên quan đến việc chuyển sang sàn chứng khoán Hà Nội HNX và ước tính sẽ mất khoảng từ hai đến sáu tháng. Đáng lưu ý, BSR đã nộp tài liệu chuyển sàn trước khi ghi nhận lỗ lũy kế tại vốn chủ sở hữu (HNX yêu cầu lợi nhuận giữ lại lũy kế dương). Dù vậy, việc chuyển sàn có khả năng sẽ mất khoảng năm đến sáu tháng tương tự như việc Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam (GVR), một công ty nhà nước khác, đã mất khoảng năm tháng để chuyển sang sàn chứng khoán Hồ Chí Minh HOSE từ UPCoM vào tháng 3.



# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

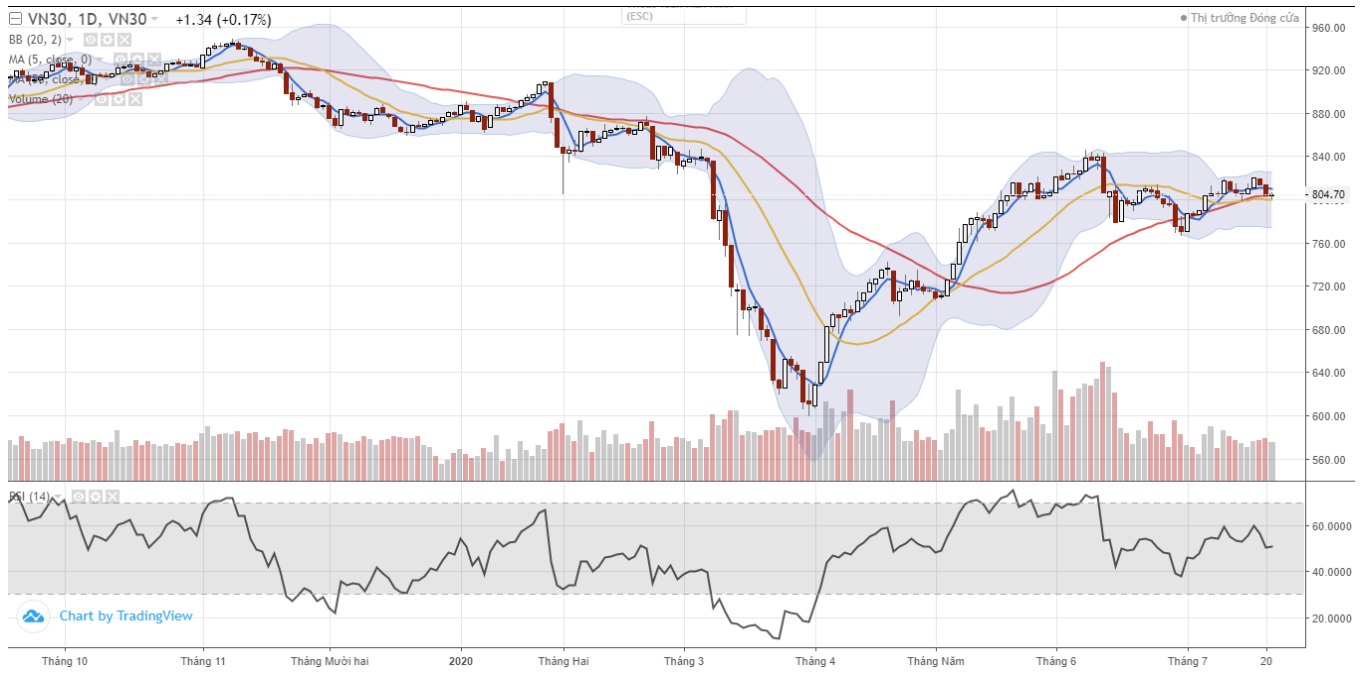
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex đã tìm hãm được đà giảm điểm trong phiên hôm nay nhờ sự xuất hiện của lực cầu bắt đáy mạnh vào cuối phiên.
- Sự xuất hiện của mẫu nến Hammer cho thấy tương quan cung cầu đã tạm thời cân bằng trở lại. Tuy nhiên, để xác nhận cơ hội vượt đỉnh rõ ràng hơn, chỉ số cần vượt qua ngưỡng cản gần tại quanh 870. Trước lúc đó, rủi ro quay xuống vùng hỗ trợ 849-855 vẫn đang để ngỏ.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở một phần trạng thái trading cho các vị thế sẵn có trong danh mục khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ gần.

## Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

## Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 đảo chiều tăng điểm với lực cầu gia tăng về cuối phiên.
- Rủi ro sụt giảm mạnh được giảm bớt với sự xuất hiện của mẫu nến hammer. Tuy nhiên, để xác nhận cơ hội vượt đỉnh rõ ràng hơn, chỉ số cần vượt qua ngưỡng cản gần tại quanh 810. Trước lúc đó, rủi ro quay xuống vùng hỗ trợ 789-795 vẫn đang để ngỏ.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở 1 phần trạng thái SHORT khi chỉ số tiếp cận ngưỡng cản gần nhưng cần linh hoạt đảo ngược vị thế sang LONG trong trường hợp bứt phá thành công.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

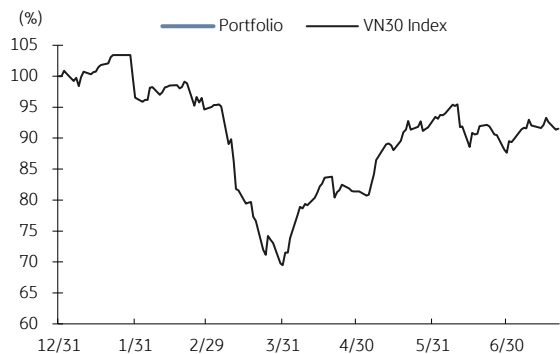
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.17%	0.65%
Tăng lũy kế (YTD)	-8.46%	-12.95%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/07/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	83,700	0.5%	-27.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,300	0.4%	-1.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	59,400	0.0%	-19.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,300	0.6%	-9.9%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	32,650	0.8%	6.1%	- Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	47,800	0.8%	51.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	23,850	0.2%	-2.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	108,400	0.8%	-16.1%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	28,100	0.4%	19.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	15,050	2.0%	9.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KDC	0.0%	21.9%	12.3
STB	0.4%	8.8%	9.5
TCH	4.4%	4.2%	5.5
NVL	0.8%	6.2%	4.8
PC1	2.1%	16.4%	2.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.5%	20.2%	-77.3
HPG	0.4%	36.0%	-66.1
DXG	-5.1%	40.7%	-35.0
VNM	0.3%	58.7%	-34.1
SSI	-1.3%	49.2%	-31.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.8%	5.8%	2.6
TKU	-8.9%	8.0%	0.5
IDV	0.5%	14.7%	0.3
VCS	-0.5%	2.8%	0.3
DHT	1.0%	3.2%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	0.0%	6.8%	-5.5
BVS	-1.9%	25.0%	-0.4
TNG	-0.8%	6.2%	-0.4
VKC	-9.3%	13.3%	-0.1
NBC	0.0%	7.7%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	3.7%	TCH, SVC
Bán lẻ	0.8%	MWG, DGW
Tài nguyên Cơ bản	0.2%	HPG, AAA
Xây dựng và Vật Liệu	0.1%	CTD, PC1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%	LGC, GMD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-6.3%	DGC, GVR
Bảo hiểm	-1.8%	BVH, BIC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.3%	GAS, POW
Bất động sản	-1.3%	VHM, VIC
Công nghệ thông tin	-1.2%	FPT, SAM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	5.7%	YEG, PNC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.9%	GEX, LGC
Thực phẩm và đồ uống	3.1%	SAB, VNM
Tài nguyên Cơ bản	2.8%	HPG, DHC
Ô tô và phụ tùng	1.8%	SVC, TCH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-9.0%	DGC, GVR
Bảo hiểm	-3.7%	BVH, BIC
Du lịch và Giải trí	-2.0%	HVN, VJC
Bán lẻ	-1.6%	MWG, VPG
Ngân hàng	-1.5%	VCB, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	90,200	305,095 (13,164)	26,695 (1.2)	22.8	48.7	31.2	19.0	7.4	8.9	3.4	3.0	0.0	-1.2	-7.3	-21.6
	VHM	VINHOMES JSC	78,800	259,214 (11,184)	125,255 (5.4)	28.8	9.7	8.7	34.3	38.5	29.4	3.1	2.3	-0.5	-2.1	3.0	-7.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	26,300	59,762 (2,579)	46,761 (2.0)	18.3	22.7	17.3	4.6	9.4	11.9	2.1	2.0	0.4	-0.4	-5.4	-22.6
	NVL	NO VA LAND INVES	62,300	60,402 (2,606)	59,633 (2.6)	32.1	20.0	21.6	-6.0	12.4	11.5	2.4	2.2	0.8	0.0	5.1	4.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,750	12,983 (560)	13,881 (0.6)	5.1	12.6	10.2	12.6	14.1	15.3	1.6	1.5	0.6	2.3	1.9	-8.0
	DXG	DAT XANH GROUP	10,150	5,266 (227)	40,359 (1.7)	8.3	5.1	4.5	-14.2	12.3	14.3	0.6	0.6	-5.1	-	-	-30.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	82,500	305,982 (13,202)	61,975 (2.7)	6.3	18.4	15.1	11.9	19.9	19.7	3.1	2.6	0.4	-0.6	-3.4	-8.5
	BID	BANK FOR INVESTM	40,800	164,098 (7,080)	34,736 (1.5)	12.3	35.6	19.9	-11.3	9.1	12.3	2.2	2.0	0.0	-1.1	-1.6	-11.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	20,500	71,753 (3,096)	25,534 (1.1)	0.0	7.1	6.0	3.8	15.8	15.5	1.0	0.9	0.0	2.0	0.0	-13.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	23,850	88,803 (3,832)	85,542 (3.7)	0.0	13.3	9.9	16.4	10.1	12.0	1.1	1.0	0.2	-0.8	2.1	14.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,750	55,459 (2,393)	55,804 (2.4)	0.0	7.2	5.9	0.4	16.5	16.7	1.1	0.9	0.2	2.5	-0.2	13.8
	MBB	MILITARY COMMERC	17,300	41,718 (1,800)	53,305 (2.3)	0.0	5.7	4.7	7.8	18.4	18.2	0.9	0.8	0.6	0.9	-1.1	-16.8
	HDB	HDBANK	26,550	25,645 (1,106)	22,994 (1.0)	9.5	6.7	5.3	16.8	20.4	21.9	1.1	1.0	-0.7	-0.6	-0.9	-3.6
	STB	SACOMBANK	11,500	20,742 (895)	103,347 (4.5)	14.8	11.5	7.4	10.6	8.3	10.0	-	-	0.4	-0.4	-3.4	14.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	21,500	17,556 (757)	1,629 (0.1)	0.0	6.1	5.1	34.4	22.4	18.4	1.1	0.9	-1.6	-0.9	2.4	2.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,300	21,269 (918)	1,990 (0.1)	0.0	37.2	35.7	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	-0.3	1.8	-5.2	-2.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	46,700	34,666 (1,496)	22,717 (1.0)	20.8	33.4	25.1	-5.4	6.2	8.0	1.8	1.7	-0.8	-1.8	-5.7	-31.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,750	1,987 (086)	2,431 (0.1)	13.7	-	-	-	7.6	8.6	0.9	0.9	1.4	-1.1	-1.1	-12.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	15,250	9,164 (395)	86,015 (3.7)	50.8	10.8	8.4	-17.7	8.2	10.7	0.9	0.8	-1.3	-8.7	-0.3	-2.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	23,200	3,811 (164)	16,043 (0.7)	72.5	8.3	6.4	-24.9	11.1	13.0	0.9	0.8	-0.6	-7.4	1.8	-21.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	18,750	5,721 (247)	37,371 (1.6)	48.1	12.8	8.0	-22.5	11.0	17.1	1.3	1.2	-0.3	-3.8	-3.4	-12.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,650	2,638 (114)	6,030 (0.3)	13.3	11.4	7.1	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.7	-0.4	-6.3	-4.2	-12.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	116,000	202,000 (8,716)	102,558 (4.4)	41.3	19.9	18.6	5.4	37.6	38.5	6.7	6.0	0.3	0.7	0.9	-0.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	190,300	122,036 (5,265)	27,362 (1.2)	36.7	30.0	24.9	1.2	21.5	23.8	5.9	5.2	-0.4	-2.4	14.4	-16.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,700	63,941 (2,759)	59,131 (2.5)	10.2	56.6	26.9	-50.7	3.0	7.2	1.4	1.4	-0.5	-2.3	-4.0	-3.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,100	15,631 (674)	6,824 (0.3)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	2.9	-8.4	-8.7	1.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	108,400	56,784 (2,450)	32,565 (1.4)	12.0	198.5	13.3	-76.5	9.6	24.2	3.5	3.8	0.8	0.4	-1.5	-25.9
	GMD	GEMADEPT CORP	19,550	5,805 (250)	3,847 (0.2)	0.0	15.1	13.4	-54.2	6.9	7.7	1.0	1.0	0.0	1.3	-0.5	-16.1
	CII	HO CHI MINH CITY	18,100	4,323 (187)	22,772 (1.0)	32.7	12.7	13.5	105.5	7.7	7.0	0.9	0.9	3.4	-0.8	-5.5	-19.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,880	1,635 (071)	30,034 (1.3)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-4.3	-6.8	-83.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,000	9,869 (426)	56,415 (2.4)	33.6	13.6	10.6	-16.2	11.7	13.9	-	-	-1.4	-3.4	23.5	8.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	82,500	6,294 (272)	69,399 (3.0)	3.1	11.2	11.1	-39.4	6.6	6.8	0.7	0.7	1.9	2.9	30.1	60.8
	REE	REE	32,650	10,123 (437)	9,772 (0.4)	0.0	6.4	5.6	-5.9	14.1	14.5	0.9	0.8	0.8	-0.8	4.0	-10.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	71,000	135,890 (5,863)	34,015 (1.5)	45.7	18.7	14.2	-20.1	15.2	19.5	2.8	2.6	0.1	-1.7	-2.2	-24.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,200	6,679 (288)	7,337 (0.3)	30.8	9.3	8.5	-2.4	16.9	18.1	1.6	1.5	-1.5	0.4	9.2	7.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,650	7,903 (341)	2,961 (0.1)	32.6	8.3	8.9	-7.7	16.3	14.7	1.3	1.3	0.0	-1.8	1.0	-8.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	28,100	77,586 (3,348)	333,401 (14.4)	13.0	8.6	7.0	1.9	18.2	19.6	1.4	1.2	0.4	0.7	2.7	19.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	14,650	5,733 (247)	38,381 (1.7)	38.1	9.6	9.9	-0.7	8.8	8.1	0.7	0.7	1.7	-1.7	2.1	13.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,870	4,696 (203)	19,481 (0.8)	47.1	-	-	-	-	-	-	-	1.4	-2.1	0.7	36.5
	HSG	HOA SEN GROUP	11,350	5,043 (218)	119,146 (5.1)	37.8	7.5	7.5	30.8	11.8	10.6	0.8	0.7	1.3	-3.8	-4.6	52.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,750	2,693 (116)	20,322 (0.9)	96.9	6.7	7.6	37.9	13.4	10.4	0.7	0.6	-0.4	2.4	-1.2	0.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	45,900	55,347 (2,388)	49,941 (2.2)	5.4	38.8	16.0	-34.7	7.1	15.3	2.3	2.0	-1.1	-1.1	-0.2	-18.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,350	4,359 (188)	28,298 (1.2)	37.2	39.7	19.6	-14.7	1.0	0.9	0.3	0.3	0.5	-1.4	-3.3	-31.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	10,400	2,927 (126)	10,691 (0.5)	26.5	6.9	5.8	-19.1	8.9	9.9	0.5	0.5	0.0	-1.0	-3.3	-38.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	83,700	37,901 (1,635)	47,520 (2.0)	0.0	9.8	7.8	13.0	29.8	29.2	2.4	1.9	0.5	1.0	-0.9	-26.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	59,400	13,372 (577)	22,377 (1.0)	0.0	14.9	12.2	-1.9	21.5	24.2	2.6	2.4	0.0	0.2	0.5	-30.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	58,000	1,711 (074)	932 (0.0)	69.3	24.4	17.8	-28.1	6.7	8.5	1.6	1.5	0.0	0.2	7.2	56.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,800	1,959 (085)	15,901 (0.7)	14.1	12.3	11.4	-31.7	11.8	12.1	1.4	1.2	1.4	2.1	-0.8	17.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	54,800	7,425 (320)	53,197 (2.3)	38.9	6.9	6.8	30.3	38.0	32.7	2.4	2.1	2.6	3.4	4.8	43.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	92,800	12,133 (524)	852 (0.0)	45.5	18.8	17.4	4.6	19.4	19.3	3.4	3.2	1.0	-1.0	0.8	1.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	62,000	4,651 (201)	475 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.0	-4.2	14.2
IT	FPT	FPT CORP	47,800	37,471 (1,617)	62,870 (2.7)	0.0	10.8	9.1	19.5	24.3	25.9	2.4	2.1	0.8	-1.5	1.7	-5.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh  
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh  
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng  
tungla@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu  
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng  
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga  
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công  
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền  
huyenntt@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim  
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung  
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh  
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh  
vinhn@kbsec.com.vn

### Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin  
shin.sy@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.